TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1057/2024/DS-PT
Ngày 24 - 12 - 2024
V/v *Tranh chấp đòi lại di sản thừa kế.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Văn Yên

- Thư ký phiên tòa:Ông Lê Minh Anh- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minhtham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 24tháng 12 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số445/2024/TLPT-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc *"Tranh chấp đòi lại di sản thừa kế"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS- ST ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1206/2024/QĐPT-DSngày 10 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Huỳnh Hồng H, sinh năm 1947;

Địa chỉ: Arden Ave Glendale, California 91202, USA.

2. Bà Huỳnh Thị Túy Đ, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Valdosto Cir, Corona, California 92879, USA.

Người đại diện hợp pháp của ông ông H, bà Đ: Ông Nguyễn Vũ P, sinh năm 1987. Theo văn bản ủy quyền ngày ngày 10/10/2019 và ngày 23/6/2020.

Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện C, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: Cư xá C, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Phạm Văn L, sinh năm 1976. Theo văn bản ủy quyền ngày

23/3/2024.

Thường trú tại: phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Hồng Lâm H1, sinh năm 1974; (Đã chết ngày 22/10/2024)

Địa chỉ: đường Đ, thành phố T, tỉnh T.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tung của ông Hồng Lâm H1:

- Ông Hồng Văn H2, sinh năm 1950;

Địa chỉ: đường Đ, thành phố T, tỉnh T. (xin xét xử vắng mặt)

- Bà Trần Thị Tuyết V, sinh năm 1950;

Địa chỉ:đường Đ, thành phố T, tỉnh T. (xin xét xử vắng mặt)

- Bà Tăng Ngọc H3, sinh năm 1978;

Địa chỉ: đường Lý Thường Kiệt, khóm 1, phường 3, thành phố T, tỉnh T. (vắng mặt)

- Ông Hồng Huy H4, sinh năm 1998;

Địa chỉ: đường Lý Thường Kiệt, khóm 1, phường 3, thành phố T, tỉnh T. (xin xét xử vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông Hóa, bà V, ông H4: Ông Đặng Văn C, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Yên, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

2. Ông Hồng Sơn H1, sinh năm1972;

Địa chỉ: đường Đ, phường 3, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

3. Bà Hồng Thị S, sinh năm 1947;

Địa chỉ: Lynnfield Street, Lynn, MA 01904 USA.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hồng Văn H2, sinh năm 1950;

Địa chỉ: đường Đ, thành phố T, tỉnh T. (vắng mặt)

2. Bà Tăng Ngọc H3, sinh năm 1978;

Địa chỉ:đường Đ, thành phố T, tỉnh T. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà Tăng Ngọc H3: Ông Hồng Lâm H1, sinh năm 1974. Địa chỉ: đường Đ, thành phố T, tỉnh T, theo văn bản ủy quyền ngày 09/5/2023. (vắng mặt)

3. Bà Lê Thị U, sinh năm 1948;

4. Bà Hồng Minh P, sinh năm 1968;

5. Ông Hồng Trung D, sinh năm 1978;

6. Bà Hồng Thuý P1, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: đường N, Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

7. Ông Hồng Lê D1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Agate rd Toronto Ontario M3M – 2B2 Canada.

8. Bà Hồng Bích P2, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 8170 Rue Jean – Nicolet Montreal – Quebec H1R – 2R1 Canada.

9. Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt)

- Người kháng cáo: Nguyên đơn ôngHuỳnh Hồng H, bàHuỳnh Thị Túy Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn – ông Huỳnh Hồng H, bà Huỳnh Thị Túy Đ và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Hồng Thị H5 (chết năm 2018) và ông Huỳnh Hửu B (chết 1951) có hai người con là ông Huỳnh Hồng H và bà Huỳnh Thị Túy Đ. Bà Hồng Thị H5 có căn nhà và đất diện tích 148,6m^2, thuộc thửa 111, tờ bản đồ số 1, loại đất ODT, tọa lạc đường Đ, thành phố T, tỉnh T. Căn nhà trên đất do bà Hồng Thị H5 xây dựng năm 1960. Năm 1977, bà Hồng Thị H5 có kê khai, đăng ký với Phòng xây dựng giao thông và đô thị thị xã Trà Vinh (nay là thành phố Trà Vinh), năm 1992 bà H5 có kê khai nộp thuế quyền sử dụng đất. Ngày 23/5/1994, bà hai có làm tờ tường trình nguồn gốc căn nhà và đã được Ủy ban nhân dân phường 3, thị xã Trà Vinh xác nhận vào ngày 23/5/1994, Phòng xây dựng giao thông và đô thị thị xã Trà Vinh xác nhận vào ngày 10/6/1994, Ủy ban nhân dân thị xã Trà Vinh xác nhận vào ngày 20/6/1994. Đến ngày 29/6/1994, bà H5 được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà số 224. Ngày 12/10/1994, bà H5 xuất cảnh và định cư tại Mỹ. Trước khi đi định cư ở Mỹ, bà H5 có nhờ các em của bà H5 là bà Hồng Thị S và ông Hồng Văn H2 trông nom nhà và đất tọa lạc số , đường Đ, thành phố T, tỉnh T. Bà H5 chỉ nhờ bằng lời nói chứ không có lập hay ký tên, lăn tay bằng văn bản. Đến thời gian gần đây mới biết bà Hồng Thị S đã tự ý làm Văn bản ủy quyền nhà ở có nội dung là bà Hồng Thị H5 ủy quyền vĩnh viễn căn nhà và đất trên cho bà Hồng Thị S và bà Hồng Thị S đã được cấp giấy chứng nhận quyền ở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với nhà và đất trên. Trong khi đó bà Hồng Thị H5 chưa bao giờ lăn tay hay ký tên vào Văn tự ủy quyền nhà ở này. Sau đó, trước khi đi định cư ở Mỹ, ngày 15/5/2001 bà S đã làm hợp đồng tặng cho nhà và đất trên cho ông Hồng Sơn H1

(con trai ông Hồng Văn H2). Sau đó, ông Hồng Sơn H1 đã làm hợp đồng tặng cho nhà và đất trên cho ông Hồng Phùng Q. Sau đó ông Hồng Phùng Q chuyển nhượng lại nhà và đất trên cho ông Hồng Lâm H1. Nay ông Huỳnh Hồng H và bà Huỳnh Thị Túy Đ là những người thừa kế thứ nhất của bà Hồng Thị H5 yêu cầu ông Hồng Lâm H1, ông Hồng Sơn H1, bà Hồng Thị S trả lại căn nhà và diện tích đất 148,6m^2, thuộc thửa 111, tờ bản đồ số 1, loại đất ODT, tọa lạc đường Đ, thành phố T, tỉnh T cho ông H, bà Đ; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh cấp cho ông Hồng Lâm H1 đối với nhà và đất trên.

Bị đơn - ông Hông Lâm H1, ông Hồng Sơn H1 và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Nhà và đất tọa lạc đường Đ, thành phố T, tỉnh T có nguồn gốc là của ông bà nội ông là cụ Hồng N1 và cụ Trần Thị L1 để lại. Cụ N1 và cụ L1 có 09 người con gồm: Hồng Thị H5 (đã chết), Hồng Thị B1 (đã chết), Hồng Phùng K (đã chết), Hồng Văn N2 (đã chết) Hồng Thị B2, Hồng Phùng Q (đã chết), Hồng Thị S, Hồng Văn H2, Hồng Thị T2. Bà Hồng Thị H5 có chồng là ông Huỳnh Hữu B có hai người con là Huỳnh Hồng H và Huỳnh Thị Túy Đ. Năm 1951, ông Huỳnh Hữu B chết nên bà Hồng Thị H5 cùng với hai người con về sống với cụ N1, cụ L1. Cụ N1, cụ L1 cho bà Hồng Thị H5 ở nhà và đất số , đường Đ, thành phố T, tỉnh T. Tháng 3 năm 1994 bà Hồng Thị H5 làm thủ tục xin cấp quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với nhà và đất trên và tự khai nhà là do bà Hồng Thị H5 xây dựng nhưng thật sự căn nhà này do cụ N1, cụ L1 xây dựng. Do bà Hồng Thị H5 tường trình nguồn gốc căn nhà không đúng sự thật nên ngày 29/6/1994 bà Hồng Thị H5 được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà số 224 đối với nhà và đất trên. Tháng 10/1994 bà Hồng Thị H5 xuất cảnh định cư ở Mỹ, trước khi xuất cảnh ngày 11/8/1994 bà Hồng Thị H5 đã làm Văn tự ủy quyền nhà và đất trên cho người em là bà Hồng Thị S, nội dung ủy quyền là ủy quyền vĩnh viễn nhà và đất trên cho bà Hồng Thị S, bà Hồng Thị S được quyền làm chủ sở hữu nhà và đất trên. Ngày 11/10/2000bà Hồng Thị S được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với nhà và đất trên. Năm 2001, trước khi xuất cảnh, định cư ở Mỹ, bà Hồng Thị S đã tặng cho nhà và đất trên cho ông Hồng Sơn H1. Đến năm 2009 ông Hồng Sơn H1 tặng cho nhà và đất trên cho ông Hồng Phùng Q. Đến ngày 07/4/2011 ông Hồng Phùng Q và vợ là bà Lê Thị U chuyển nhượng lại nhà và đất trên cho ông và ông được Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và và tài khác gắn liền với đất đối với nhà và đất trên. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H, bà Đ.

Bị đơn - bà Hồng Thị S trình bày:

Nhà và đất tọa lạc số, đường Đ, thành phố T, tỉnh T có nguồn gốc là của cha mẹ bà là cụ Hồng N1 và cụ Trần Thị L1 để lại. Cụ N1 và cụ L1 có 09 người con gồm: Hồng Thị H5 (đã chết), Hồng Thị B1 (đã chết), Hồng Phùng K (đã chết), Hồng Văn N2 (đã chết) Hồng Thị B2, Hồng Phùng Q (đã chết), Hồng Thị S, Hồng Văn H2, Hồng Thị T2. Bà Hồng Thị H5 có chồng là ông Huỳnh Hữu B có hai người con là Huỳnh Hồng H và Huỳnh Thị Túy Đ. Khi chồng bà H5 chết thì bà H5 cùng hai người con về sống với cụ N1, cụ L1. Sau đó bà Hồng Thị H5 làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và đất trên. Trước khi xuất cảnh đi định cư ở nước ngoài, bà Hồng Thị H5 đã ủy quyền tặng cho nhà và đất trên cho bà. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, ông Đ; bà yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông Hông Văn Hóa trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của ông Hồng Lâm H1, nguồn gốc nhà và đất trên có nguồn gốc là của cha mẹ ông là cụ Hồng N1 và cụ Trần Thị L1 để lại. Cụ N1 và cụ L1 có 09 người con gồm: Hồng Thị H5 (đã chết), Hồng Thị B1 (đã chết), Hồng Phùng K (đã chết), Hồng Văn N2 (đã chết) Hồng Thị B2, Hồng Phùng Q (đã chết), Hồng Thị S, Hồng Văn H2, Hồng Thị T2. Năm 1951, ông Huỳnh Hữu B là chồng bà Hồng Thị H5 chết nên bà Hồng Thị H5 cùng với hai người con về sống với cụ N1, cụ L1. Cụ N1, cụ L1 cho bà Hồng Thị H5 ở nhà và đất số , đường Đ, thành phố T, tỉnh T. Năm 1994 bà Hồng Thị H5 làm thủ tục xin cấp quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với nhà, đất trên và được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà số 224 đối với nhà và đất trên. Tháng 10/1994 bà Hồng Thị H5 xuất cảnh định cư ở Mỹ, trước khi xuất cảnh bà Hồng Thị H5 đã làm Văn tự ủy quyền nhà và đất trên cho người em là bà Hồng Thị S, nội dung ủy quyền là ủy quyền vĩnh viễn nhà và đất trên cho bà Hồng Thị S, bà Hồng Thị S được quyền làm chủ sở hữu nhà và đất trên. Năm 2001, trước khi xuất cảnh, định cư ở Mỹ, bà Hồng Thị S đã tặng cho nhà và đất trên cho ông Hồng Sơn H1. Đến năm 2009 ông Hồng Sơn H1 tặng cho nhà và đất trên cho ông Hồng Phùng Q. Đến ngày 07/4/2011 ông Hồng Phùng Q và vợ là bà Lê Thị U chuyển nhượng lại nhà và đất trên cho ông Hồng Lâm H1. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H, bà Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- bà Lê Thị U trình bày:

Bà với ông Hồng Phùng Q (đã chết) có 05 người con gồm: Hồng Minh P, Hồng Thúy P1, Hồng Trung D, Hồng Bích P2, Hồng Lê D1. Nhà, đất đang tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn có nguồn gốc là của ông bà để lại, việc có cho ai nhà đất trên hay không thì bà không biết, gia đình bà không có ở trên nhà, đất trên. Theo bà biết thì có việc tặng cho và chuyển nhượng nhà đất trên nhưng mục đích tặng cho, chuyển nhượng nhà đất trên thì bà không biết. Nay bà thống

nhất đã chuyển nhượng nhà, đất trên cho ông Hồng Lâm H1 nên không có ý kiến hay tranh chấp gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Hồng Trung D trình bày:

Ông là con của ông Hồng Phùng Q và bà Lê Thị U. Sự việc ông Hồng Sơn H1 tặng cho cha mẹ ông nhà và đất số , đường Đ, thành phố T, tỉnh T và sự việc cha mẹ ông chuyển nhượng nhà và đất trên cho ông Hồng Lâm H1 thì ông không biết. Nay ông không có tranh chấp gì đối vời nhà và đất trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Hồng Minh P, bà Hồng Thúy P1 trình bày:

H5 bà là con của ông Hồng Phùng Q và bà Lê Thị U. Sự việc ông Hồng Sơn H1 tặng cho cha mẹ hai bà nhà và đất số , đường Đ, thành phố T, tỉnh T và sự việc cha mẹ hai bà chuyển nhượng nhà và đất trên cho ông Hồng Lâm H1 thì hai bà không biết. Nay hai bà không có tranh chấp gì đối vời nhà và đất trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh trình bày:

Việc Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 111, tờ bản đồ số 1, diện tích 148,6m^2 cho ông Hồng Lâm H1 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2023/DS- ST ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 34, 37, 38, 39, 147, 149, 165, 273, 227, 228, 474 và Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 32 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ các Điều 158, 161, 163, 164, 165, 237 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 11, Điều 15 của Luật nhà ở năm 1991;

Căn cứ Điều 9, Điều 10 của Luật nhà ở năm 2014;

Căn cứ Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Hồng H, bà Huỳnh Thị Túy Đ yêu cầu bị đơn ông Hồng Lâm H1, ông Hồng Sơn H1, bà Hồng Thị S trả nhà và diện tích đất 148,6m^2, thửa đất số 111, tờ bản đồ số 1,

loại đất ODT, tọa lạc số , đường Đ, thành phố T, tỉnh T; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh cấp cho ông Hồng Lâm H1 đối với nhà và diện tích đất 148,6m^2, thửa đất số 111, tờ bản đồ số 1, loại đất ODT, tọa lạc số , đường Đ, thành phố T, tỉnh T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/6/2023, Nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Phạm Văn Ltrình bày:Văn tự ủy quyền ngày 01/8/1994 giữa bà H5 với bà S thì không ghi quyền đối với tài sản là quyền gì mà chỉ ghi ủy quyền vĩnh viễn. Theo tôi, quyền vĩnh viễn là nói về thời hạn chứ không nói về quyền. Trong giao dịch này thì bà S lại trực tiếp sang tên cho bản thân mình. Trong giao dịch ủy quyền thì không thể tự sang tên cho mình được. Trong văn tự lại thực hiện việc trước bạ tức nộp thuế để sang tên thì chỉ nằm trong giao dịch mua bán và tặng cho chứ không nằm trong ủy quyền. Việc bà S thực hiện cũng không đúng với ý chí của bên ủy quyền.Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định pháp luật.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sư vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thủ tục kháng cáo đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm ông Hồng Lâm H1 chết vào ngày 22/10/2024. Người thừa kế của ông Hồng Lâm H1 gồm ông Hóa, bà V, bà H3 và anh H4. Do đó Hội đồng xét xử đưa những người này tham gia với tư cách là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Hồng Lâm H1.

[1.3] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đương sự đến lần thứ hai nhưng có một số đương sự vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của Nguyên đơn:

[2.1]Ông Huỳnh Hồng H và bà Huỳnh Thị Túy Đthuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Hồng Thị H5 (chết năm 2018) khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Hồng Lâm H1, ông Hồng Sơn H1, bà Hồng Thị S trả lại căn nhà và diện tích đất thuộc thửa 111, tờ bản đồ số 1, loại đất ODT, tọa lạc số , đường Đ, thành phố T, tỉnh T cho ông H, bà Đ; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh cấp cho ông Hồng Lâm H1 đối với nhà và đất trên, vì cho rằng khu nhà, đất này bà H5 cho gia đình bà S ở nhờ.

[2.2]Hội đồng xét xử xét thấy:

Các đương sự thừa nhận khu nhà đất tọa lạc tại đường Đ, thành phố T, tỉnh Tcó nguồn gốc của bà Hồng Thị H5, bà H5 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà số 224 ngày 29/6/1994.

Vào ngày 11/8/1994 bà Hồng Thị H5 đã làm "Văn tự ủy quyền nhà ở" ủy quyền nhà và đất trên cho người em là bà Hồng Thị S, văn tự này được Ủy ban nhân dân phường 3, thị xã Trà Vinh và Phòng công chứng nhà nước số 1 tỉnh Trà Vinh chứng thực. Nội dung cam kết của bên ủy quyền là bà H5 và bên được ủy quyền là bà S thể hiện: là ủy quyền vĩnh viễn; Bà S được quyền sang bán, cầm cố, sử dụng tài sản nhà đất đường Đ, thành phố T, tỉnh T. Sau đó bà H5 đã xuất cảnh và định cư tại Mỹ.

Nguyên đơn cho rằng bà S tự ý đi làm "Văn tự ủy quyền nhà ở" nêu trên chứ bà H5 không ký tên và lăn tay vào văn bản này. Tuy nhiên, theo kết luận giám định số 324/KLGĐ ngày 02/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Trà Vinh và kết luận giám định số 749/1/KL - C09B ngày 21/02/2022 của Phân viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh đều xác định dấu lăn tay và chữ ký bên ủy quyền trong văn tự là của bà H5 in và ký ra.

Như vậy, đủ căn cứ xác định tại thời điểm bà H5 lập "Văn tự ủy quyền nhà ở" ý chí của bà H5 đã đồng ý cho bà S được quyền sử dụng, cầm cố, sang bán khu nhà đất. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày sau khi đi xuất cảnh bà H5 có về Việt Nam thăm quê nhiều lần. Nhưng đến khi chết, bà H5 vẫn không có ý kiến thay đổi nội dung văn tự ủy quyền này.

Tại "Văn tự ủy quyền nhà ở" còn có nội dung *"Đàng thụ quyền được làm chủ sở hữu khi đã ủy quyền vĩnh viễn và văn tự ủy quyền nhà ở được ủy ban tỉnh Trà Vinh chứng thực hoàn tất trước bạ"*. Thực tế sau đó bà S đã tiến hành các thủ tục sang tên nhà, đất và được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cấp Giấy

chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 02/GCN ngày 11/01/2000. Như vậy, kể từ thời điểm này nhà, đất sốđược xác định là của bà S và bà S được thực hiện đầy đủ các quyền đối với tài sản được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Năm 2001, trước khi xuất cảnh, định cư ở Mỹ, bà Hồng Thị S đã tặng cho nhà và đất trên cho ông Hồng Sơn H1 và ông Hồng Sơn H1 được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với tài sản này vào ngày 16/7/2001. Trong quá trình giải quyết vụ án, các chủ thể thực hiện các giao dịch từ khi bà S đứng tên đến khi ông H1 đứng tên đều có ý kiến xác định các giao dịch này là phù hợp với ý chí của họ và không có tranh chấp.

Như vậy, tuy nhà, đất tranh chấp có nguồn gốc là của bà H5 nhưng thông qua các giao dịch như đã phân tích ở các nội dung nêu trênthì đủ cơ sở xác định quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên khu nhà đất số là tài sản hợp pháp của ông Hồng Lâm H1. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới so với những tài liệu, chứng cứ đã được cấp sơ thẩm xem xét, vì vậy kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.Nhưng do các nguyên đơn đều là người cao tuổi và có đề nghị miễn toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho các nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử điều chỉnh lại phần này trong phần quyết định Bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 32 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ các Điều 158, 161, 163, 164, 165, 237 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 11, Điều 15 của Luật nhà ở năm 1991;

Căn cứ Điều 9, Điều 10 của Luật nhà ở năm 2014;

Căn cứ Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Hồng H, bà Huỳnh Thị

Túy Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Hồng H, bà Huỳnh Thị Túy Đ yêu cầu bị đơn ông Hồng Lâm H1 (ông Hồng Lâm H1 đã chết nay có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là ông Hồng Văn H2, bà Trần Thị Tuyết V, bà Tăng Ngọc H3, ông Hồng Huy H4), ông Hồng Sơn H1, bà Hồng Thị S trả nhà và diện tích đất 148,6m^2, thửa đất số 111, tờ bản đồ số 1, loại đất ODT, tọa lạc số , đường Đ, thành phố T, tỉnh T; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh cấp cho ông Hồng Lâm H1 đối với nhà và diện tích đất 148,6m^2, thửa đất số 111, tờ bản đồ số 1, loại đất ODT, tọa lạc số , đường Đ, thành phố T, tỉnh T.

3. Về lệ phí thẩm định, định giá, cung cấp thông tin: Số tiền là 3798.190 đồng. Buộc nguyên đơn ông Huỳnh Hồng H, bà Huỳnh Thị Túy Đ phải chịu số tiền 3.798.190 đồng. Do ông Nguyễn Vũ P là người đại diện hợp pháp của ông H, bà Đ đã nộp tạm ứng trước số tiền 7.000.000đồng nên ông Nguyễn Vũ P là người đại diện hợp pháp của ông H, bà Đ được nhận lại số tiền còn dư là 3.201.810 đồng tại Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

4. Về lệ phí giám định: Số tiền 2.430.000 đồng. Buộc nguyên đơn ông Huỳnh Hồng H, bà Huỳnh Thị Túy Đ phải chịu số tiền 2.430.000 đồng. Do ông Nguyễn Vũ P là người đại diện hợp pháp của ông H, bà Đ đã nộp tạm ứng trước số tiền 7.000.000đồng nên ông Nguyễn Vũ P là người đại diện hợp pháp của ông H, bà Đ được nhận lại số tiền còn dư là 4.570.000đồng tại Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

5. Về chi phí uỷ thác ra nước ngoài: Số tiền là 6.211.600 đồng. Buộc nguyên đơn ông Huỳnh Hồng H, bà Huỳnh Thị Túy Đ phải chịu số tiền 6.211.600 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 200.000 đồng mà ông Nguyễn Vũ P là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008835 ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, số tiền còn lại 6.011.600 đồng ông Nguyễn Vũ P là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã nộp xong nên ông H, bà Đ không phải nộp tiếp.

6. Về án phí:

6.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Huỳnh Hồng H và bà Huỳnh Thị Túy Đ.Trả lại cho ông H, bà Đ mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số 0008936 và Biên lai số 0008935 cùng ngày 13/5/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

6.2.Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Hồng H và bà Huỳnh Thị Túy Đ không phải chịu.Trả lại cho ông H, bà Đmỗi người 300.000 đồng tiền tạm

ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0016844 ngày 12/6/2023 và Biên lai số 0016845 ngày 12/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh (do ông Nguyễn Vũ P nộp thay).

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự (14);
- Lưu: HSVA (2), VP (5) 26B LMA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Huynh